

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-5-2023

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, giải quyết nợ chung.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Biên và bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Ông Tăng Bá Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: **271/2022/TLST-HNGĐ** ngày **25** tháng **10** năm **2022** về việc **“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, giải quyết nợ chung”** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **12/2023/QĐXXST-HNGĐ** ngày **12/4/2023** và Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Ngô Thị M, sinh năm 1975**

- Bị đơn: **Anh Phùng Văn D, sinh năm 1973**

Cùng địa chỉ: Khu N, phường PT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Ngân hàng CSXH; địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy Th1 – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng CSXH thị xã Kinh Môn. Văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016.

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Bá C – Phó Giám đốc phòng giao dịch. Văn bản ủy quyền số 09/UQ-PGD ngày 24/11/2022.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Cháu Phùng Thị Th2, sinh năm 2001, địa chỉ: Khu N, PT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.**

(Chị M, ông Th1 có mặt; anh D, ông C và cháu Th2 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2022, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND phường PT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) vào ngày 19/9/1996. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng vài năm gần đây, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn do anh D đi làm nhưng không đem kinh tế về lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu say, chơi bời, không quan tâm, chăm lo gia đình, không tôn trọng chị, một mình chị nuôi con. Từ đó dẫn đến vợ chồng hay xảy ra xô xát, cãi vã. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Phùng Thị Phương, sinh năm 1998; Phùng Thị Th2 sinh năm 2001 đều đã trưởng thành có gia đình riêng, chị không yêu cầu giải quyết và cháu Phùng Khánh H1, sinh ngày 30/10/2008 hiện đang ở cùng anh chị. Sau khi vợ chồng ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi cháu H1 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ngày 23/2/2020, hộ gia đình chị gồm chị, anh D và cháu Th2 có vay Ngân hàng CSXH - Phòng giao dịch thị xã Kinh Môn số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay để xây chuồng chăn nuôi. Chị đã trả được phần gốc và lãi phát sinh đến ngày 23/4/2023. Nay Ngân hàng yêu cầu anh chị Th2 toán số tiền gốc còn lại 30.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 24/4/2023 đến khi trả xong nợ, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- Bị đơn anh Phùng Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND phường PT. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị M trình bày là không đúng. Anh có uống rượu nhưng chưa bao giờ đánh vợ, quá trình chung sống vẫn hòa thuận. Anh làm nghề đắp non bộ, sân vườn, cây cảnh công việc cũng không ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Lý do vì sao chị M đưa đơn ra tòa thì anh sẽ trình bày sau, khi cùng có mặt chị M tại Tòa. Anh D mong muốn được Tòa án có buổi hòa giải để anh và chị M quay lại đoàn tụ. Anh không nhất trí ly hôn vì anh cho rằng anh chị đã lên chức ông bà. Về con chung: Hai cháu lớn đã trưởng thành và có gia đình riêng. Còn cháu H1, nếu bắt buộc vợ chồng phải ly hôn thì tùy quan điểm của cháu H1 muốn ở với anh hay ở với chị M thì tùy, nếu cháu có nguyện vọng ở với anh thì anh nhất trí và chị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định có vay nợ Ngân hàng CSXH 50.000.000 đồng. Quan điểm của anh là chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền nợ Ngân hàng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Đại diện Ngân hàng CSXH - Phòng giao dịch thị xã Kinh Môn trình bày: Ngày 23/02/2020, hộ gia đình chị M, anh D (gồm: Chị Ngô Thị M, anh Phùng Văn D và cháu Phùng Thị Th2 là con chị M, anh D) vay Ngân hàng CSXH - Phòng giao dịch thị xã Kinh Môn số tiền 50.000.000 đồng, hạn trả 23/4/2024, lãi suất 8,250%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 10,725%/năm. Tính đến 23/4/2023, số tiền hộ gia đình chị M đã trả: 20.000.000 đồng nợ gốc, và trả hết tiền lãi. Nay chị M, anh D làm thủ tục ly hôn, Ngân hàng yêu cầu hộ gia đình chị M phải trả số tiền gốc còn lại là 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 24/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/5/2023 là 169.521 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - cháu Phùng Thị Th2 khai: Bố mẹ cháu có mâu thuẫn, cụ thể là bố cháu thường xuyên uống và say rượu. Rượu say thì bố cháu diễn ra nhiều năm nhưng đánh mẹ cháu thì diễn ra khoảng gần 1 năm nay, thỉnh thoảng lại đánh. Nhiều lần bố cháu đánh mẹ cháu, cháu vào can nhưng không can được, khi bố cháu tỉnh thì cháu phân tích nhưng bố cháu cũng không nghe. Cháu thấy bố mẹ chung sống không có hạnh phúc, mẹ cháu đã quá khổ, chịu đựng hàng chục năm nay, bố cháu không quan tâm đến mẹ con cháu, không đưa kinh tế để mẹ cháu nuôi chúng cháu, mẹ cháu đã rất khổ để làm nụng nuôi dạy các cháu, tiền mẹ cháu đi cày bừa cho người ta, bố cháu lấy đi lấy trước để đem đi chơi. Năm 2020, bố mẹ cháu vay Ngân hàng CSXH 50.000.000 đồng. Ngân hàng cho hộ gia đình vay nên cháu phải ký tài liệu vay vốn. Thực tế số tiền này bố mẹ cháu sử dụng, nên số tiền này bố mẹ cháu có trách nhiệm thanh toán Ngân hàng.

- Biên bản lấy lời khai của cháu Phùng Khánh H1: Cháu thấy bố mẹ cháu có mâu thuẫn, cụ thể bố cháu hay đi uống và say rượu nhiều năm nay. Khoảng gần 1 năm nay, thỉnh thoảng lại đánh mẹ cháu. Bố mẹ cháu hay mâu thuẫn về tiền bạc, bố đi làm không đưa tiền cho mẹ cháu lo cho gia đình. Mẹ cháu đi làm máy cày cày thuê, bố cháu lại đi đến nhà người ta lấy tiền trước rồi đi chơi hết. Bố cháu không lo lắng, chăm lo các cháu mặc dù bố cháu đi làm đắp hòn non bộ có tiền. Cháu thấy bố mẹ cháu chung sống không có hạnh phúc, mẹ cháu đã rất khổ khi ở cùng bố cháu nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của mẹ cháu và cháu xin ở cùng mẹ cháu.

- Xác minh tại Khu dân cư được biết: Chị M và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND phường PT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, Anh chị cùng nhau sống tại nhà riêng ở khu 1, Lỗ Sơn, phường PT. Anh D làm nghề máy nông nghiệp và đắp hòn non bộ, chị M hiện đi làm Công ty, cuộc sống anh chị Hạnh phúc đến gần đây thấy anh D và chị M mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như nào thì không rõ

vì, khu dân cư không thấy anh D, chị M đề nghị hòa giải. Nhưng qua nắm bắt thì thấy gần đây anh D hay đi uống rượu, anh chị không có sự cùng nhau vun đắp hạnh phúc nên chị M có đơn khởi kiện ra Tòa án xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để vợ chồng chị M, anh D đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – chị M vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh D, xin tiếp tục nuôi cháu H1, không yêu cầu chia tài sản chung, về nợ chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định trên cơ sở chia đôi khoản nợ, chị chịu 1 phần, anh D chịu 1 phần.

Bị đơn – anh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập – Ngân hàng CSXH: Giữ nguyên yêu cầu độc lập, theo đó ông Nguyễn Duy Th1 yêu cầu hộ gia đình chị M có trách nhiệm trả tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/4/2023 đến nay là 169.512 đồng, tổng là 30.169.512 đồng và tiếp tục trả lãi trên nợ gốc kể từ ngày 19/5/2023 cho đến khi trả xong nợ theo thỏa thuận khi vay vốn.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung, đề nghị HĐXX xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị M, xử cho chị Ngô Thị Mai được ly hôn với anh Phùng Văn D.

- *Về con chung:* Giao cháu Phùng Khánh H1 sinh năm 2008 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Các bên không yêu cầu nên không phải giải quyết.

- *Về nợ chung:* Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng CSXH. Buộc anh D, chị M, cháu Th2 phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng CSXH số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/4/2023 đến nay là 169.512 đồng, tổng là 30.169.512 đồng. Như vậy, chị M, anh D, cháu Th2 mỗi người phải trả 10.056.507 đồng cho Ngân hàng CSXH và phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc kể từ ngày 19/5/2023 cho đến khi trả xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn.

- *Về án phí*: Chị M phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; Chị M, anh D, cháu Th2 mỗi người phải chịu 502.526 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn – anh D có nơi cư trú tại phường PT, thị xã Kinh Môn nên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông C được ông Th1 ủy quyền vắng mặt, nhưng ông Th1 có mặt, ông Th1 đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C. Cháu Th2 vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt; anh D vắng mặt tại phiên tòa lần 2 nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị M và anh D có đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình cùng chung sống, những năm gần đây chị M và anh D đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Chị M đã tạo cơ hội để anh D thay đổi nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Chị M vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D. Điều đó thể hiện anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật HNGĐ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị M ly hôn anh D là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Chị M và anh D có 03 con chung là cháu Phùng Thị Phương, sinh năm 1998; Phùng Thị Th2 sinh năm 2001 đều đã trưởng thành có gia đình riêng nên không phải giải quyết. Đối với cháu Phùng Khánh H1, sinh ngày 30/10/2008 mong muốn được ở cùng chị M, chị M xin được nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, anh D cũng đồng ý nguyện vọng của cháu H1. Do đó, căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu H1 cho chị M nuôi dưỡng chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con.

[2.3] *Về tài sản chung*: Về tài sản chung anh D và Chị M đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] *Về khoản nợ*: Chị M và Anh D và cháu Th2 xác nhận vay Ngân hàng CSXH - Phòng giao dịch thị xã Kinh Môn số tiền 50.000.000 đồng. Việc

vay mượn trên mục đích phát triển kinh tế chung của hộ gia đình. Nay Ngân hàng yêu cầu hộ gia đình chị M phải trả tiền gốc còn lại là 30.000.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 24/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 169.512 đồng, đồng thời Ngân hàng yêu cầu hộ gia đình chị M tiếp tục trả lãi trên nợ gốc kể từ ngày kế tiếp ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ gốc là có căn cứ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng CSXH, buộc anh D, chị M và cháu Th2 phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH thị xã Kinh Môn, chia theo phần, anh D, chị M, cháu Th2 mỗi người phải trả 10.056.507 đồng và phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc kể từ ngày 19/5/2023 cho đến khi trả xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn.

[3] *Về án phí*: Chị M, anh D, cháu Th2 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Chị M, anh D, cháu Th2 có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 103; Điều 288; Điều 463, Điều 466 của BLDS; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị M. Xử cho chị Ngô Thị M ly hôn anh Phùng Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Khánh H1, sinh ngày 30/10/2008 (giới tính: Nữ) cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng CSXH.

Buộc anh D, chị M và cháu Th2 phải liên đới trả cho Ngân hàng CSXH - Phòng giao dịch thị xã Kinh Môn số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 169.521 đồng. Tổng là 30.169.521 đồng. Chia theo phần chị M, anh D, cháu Th2 mỗi người phải trả 10.056.507 đồng. Kể từ ngày 19/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, anh D, chị M và cháu Th2 phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Sổ vay vốn + Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 10/02/2020 được ngân hàng phê duyệt ngày 17/02/2020.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2020/0001496 ngày 25/10/2022, chị M đã nộp đủ án phí ly hôn.

Chị M, anh D, cháu Th2 mỗi người phải chịu 503.000 đồng (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ trả nợ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường PT, thị xã Kinh Môn (số GCNKH 33 ngày 19/9/1996);
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công bố trên CTTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc